

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA
NAM LIÊN CHIỂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 662/BV-TCHC

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 09 năm 2024

V/v mời cung cấp thông tin
báo giá cung cấp trang phục y tế và đồ
vải cho Bệnh viện Đa khoa Nam Liên
Chiểu năm 2024

Kính gửi: Các công ty có đủ năng lực cung cấp trang phục y tế và đồ vải
cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

Bệnh viện Đa khoa Nam Liên Chiểu đang có nhu cầu mua sắm trang phục
y tế và đồ vải cung cấp cho các khoa phòng thực hiện công việc chuyên môn năm
2024. Bệnh viện kính mời các công ty có năng lực về cung ứng hàng hóa may
mặc quan tâm gửi thông tin chào giá các mặt hàng với nội dung cụ thể như sau:

1. Danh mục hàng hóa: gồm 16 mặt hàng chia thành 2 phần theo phụ lục
chi tiết đính kèm.

2. Báo giá bao gồm các nội dung sau:

- Tên hàng hóa, quy cách, đặc tính kỹ thuật, đơn vị tính, đơn giá (đã bao
gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển và các chi phí khác liên quan), thành tiền.
- Giấy phép đăng ký kinh doanh của đơn vị.

2. Thời gian nhận báo giá: Bắt đầu từ ngày ra thông báo đến 08h ngày
30/9/2024.

3. Các công ty gửi báo giá đầy đủ thông tin các mặt hàng theo phụ lục mẫu
báo giá đính kèm công văn mời chào giá. Bệnh viện chỉ xem xét các báo giá cung
cấp đầy đủ thông tin nội dung theo yêu cầu.

4. Địa chỉ nhận hồ sơ chào giá:

Phòng Tổ chức hành chính - Bệnh viện Đa khoa Nam Liên Chiểu

Số 68 Hoàng Văn Thái, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.

Mọi thắc mắc vui lòng liên hệ số điện thoại: 0236.3764935 (Trong giờ hành
chính trừ thứ 7, chủ nhật, ngày lễ).

Rất mong nhận được sự quan tâm và hợp tác của các Quý công ty.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCHC.



Trần Viết Gia

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA
NAM LIÊN CHIỂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phụ lục
DANH MỤC TRANG PHỤC NHÂN VIÊN Y TẾ VÀ ĐỒ VẢI
SỬ DỤNG TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA NAM LIÊN CHIỂU NĂM 2024
(Kèm theo Công văn số 662 /BV-TCHC ngày 23 tháng 09 năm 2024 của Bệnh viện Đa khoa Nam Liên Chiểu)

STT	Loại trang phục	Quy cách		Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
		Áo	Quần				
A	TRANG PHỤC Y TẾ						
1	Trang phục bác sĩ	<p>a) Màu sắc: Màu trắng;</p> <p>b) Kiểu dáng: Áo blouse cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang gối, kiểu dài tay, ngắn tay, phía trước có 3 túi, có khuy cài bên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông. In logo bệnh viện phía ngực trái.</p> <p>c) Kích thước: 5 size. Size S, M, L, XL, XXL theo quy chuẩn của nhà sản xuất.</p>	<p>a) Màu sắc: Màu trắng;</p> <p>b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.</p> <p>c) Kích thước: 5 size. Size S, M, L, XL, XXL theo quy chuẩn của nhà sản xuất.</p>	<p>Màu sắc: Theo màu sắc của áo.</p>	Bộ	56	
2	Trang phục điều dưỡng viên, hộ sinh viên, y sỹ	<p>a) Màu sắc: Màu trắng;</p> <p>b) Kiểu dáng: - Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, kiểu dài tay, ngắn tay, chiều dài áo</p>	<p>a) Màu sắc: Màu trắng;</p> <p>Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.</p>	<p>Màu sắc: Theo màu sắc của áo</p>	Bộ	102	

		<p>ngang mỏng, phía trước có 2 túi, có khuy cài bên trên ngực trái; In logo bệnh viện phía ngực trái.</p> <p>- Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5 cm.</p> <p>c) Kích thước: 5 size. Size S, M, L, XL, XXL theo quy chuẩn của nhà sản xuất.</p>	<p>c) Kích thước: 5 size. Size S, M, L, XL, XXL theo quy chuẩn của nhà sản xuất.</p>		<p>Độ bền xé rách (N) (DxN) 12.4x10.2 ±2</p> <p>Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp)(DxN) 4x4</p> <p>Ngoại quan sau 1 chu kỳ giặt (CẤP) 4-5</p> <p>Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5</p> <p>Định tính và định lượng nguyên liệu (%)</p> <p>POLYESTER 65.6±2</p> <p>COTTON 34.4 ±2</p>			
3	<p>Trang phục kỹ thuật viên, cử nhân, kỹ sư và các chức danh khác làm việc chuyên môn tại các khoa, phòng lâm sàng và cận lâm sàng</p>	<p>a) Màu sắc: Màu trắng;</p> <p>b) Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, kiểu dài tay, ngắn tay, chiều dài áo ngang mỏng, phía trước có 3 túi, có khuy cài bên trên ngực trái. In logo bệnh viện phía ngực trái.</p> <p>c) Kích thước: 5 size. Size S, M, L, XL, XXL theo quy chuẩn của nhà sản xuất.</p>	<p>a) Màu sắc: Màu trắng;</p> <p>b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.</p> <p>c) Kích thước: 5 size. Size S, M, L, XL, XXL theo quy chuẩn của nhà sản xuất.</p>	<p>Màu sắc: Theo màu sắc của áo.</p>	<p>- 01 bộ bao gồm: áo, quần, mũ</p> <p>- Chất liệu: Vải Kate - Màu trắng.</p> <p><u>Thông số kỹ thuật của vải (hoặc tương đương):</u></p> <p>Khối lượng vải (G/M2) 105.6 ± 2</p> <p>Mật độ vải (Sợi/10CM) 456x316 ±2</p> <p>Độ bền xé rách (N) (DxN) 12.4x10.2 ±2</p> <p>Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp)(DxN) 4x4</p> <p>Ngoại quan sau 1 chu kỳ giặt (CẤP) 4-5</p> <p>Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5</p> <p>Định tính và định lượng nguyên liệu (%)</p> <p>POLYESTER 65.6±2</p> <p>COTTON 34.4 ±2</p>	Bộ	30	
4	<p>Trang phục được sử</p>	<p>a) Màu sắc: Màu trắng;</p> <p>b) Kiểu dáng: Áo blouse, cổ 2 ve, cài cúc giữa, kiểu dài tay, ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước</p>	<p>a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.</p>	<p>Màu sắc: Theo màu sắc của áo.</p>	<p>- 01 bộ bao gồm: áo, quần, mũ</p> <p>- Chất liệu: Vải Kate - Màu trắng.</p> <p><u>Thông số kỹ thuật của vải (hoặc tương đương):</u></p> <p>Khối lượng vải (G/M2) 105.6 ± 2</p> <p>Mật độ vải (Sợi/10CM) 456x316 ±2</p>	Bộ	16	

	<p>c) Kích thước: 5 size. Size S, M, L, XL, XXL theo quy chuẩn của nhà sản xuất.</p>	<p>có 3 túi, có khuy cài bên trên ngực trái, phía sau xé giữa tới ngang hông. In logo bệnh viện phía ngực trái. c) Kích thước: 5 size. Size S, M, L, XL, XXL theo quy chuẩn của nhà sản xuất.</p>	<p>Màu sắc: Theo màu sắc của áo.</p>	<p>Độ bền xé rách (N) (DxN) 12.4x10.2 ±2 Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp)(DxN) 4x4 Ngoại quan sau 1 chu kỳ giặt (CẤP) 4-5 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 65.6±2 COTTON 34.4 ±2</p>	<p>Bộ</p>	<p>18</p>	
<p>5</p>	<p>Trang phục nhân viên tiếp đón, hành chính, thu ngân</p>	<p>a) Màu sắc: Màu xanh hòa bình; b) Kiểu dáng: Áo cổ trái tim, cài cúc giữa, kiểu dài tay, ngắn tay, chiều dài áo ngang hông; phía trước có 2 túi, có khuy cài bên trên ngực trái. In logo bệnh viện phía ngực trái. c) Kích thước: 5 size. Size S, M, L, XL, XXL theo quy chuẩn của nhà sản xuất.</p>	<p>Màu sắc: Theo màu sắc của áo.</p>	<p>- 01 bộ bao gồm: áo, quần, mũ - Chất liệu: Vải Kate - Màu xanh hòa bình. Thông số kỹ thuật của vải (hoặc tương đương): Khối lượng vải (G/M2) 107.7 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM) 464x316 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 18.5x14.2 ±2 Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp)(DxN) 4x4 Ngoại quan sau 1 chu kỳ giặt (CẤP) 4-5 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 65.6±2 COTTON 34.4 ±2</p>	<p>Bộ</p>	<p>26</p>	
<p>6</p>	<p>Trang phục nhân viên tiếp đón, hành chính, thu ngân</p>	<p>a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: Áo sơ mi cổ đực, cài cúc giữa, kiểu dài tay, ngắn tay. In logo bệnh viện phía ngực trái. c) Kích thước: 3 size. Size M, L, XL theo</p>	<p>Màu sắc: Theo màu sắc của áo.</p>	<p>Độ bền xé rách (N) (DxN) 12.4x10.2 ±2 Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp)(DxN) 4x4 Ngoại quan sau 1 chu kỳ giặt (CẤP) 4-5 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 65.6±2 COTTON 34.4 ±2</p>	<p>Bộ</p>	<p>26</p>	

	quy chuẩn của nhà sản xuất.	Chân váy kiểu jupe, tối thiểu dài ngang gối. c) Kích thước: 3 size. Size M, L, XL theo quy chuẩn của nhà sản xuất.		<p>Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp)(DxN) 4x4 Ngoại quan sau 1 chu kỳ giặt (CẤP) 4-5 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 65.6±2 COTTON 34.4 ±2 + Chất liệu quần, chân váy: Vải kaki thun màu xanh đen</p> <p><u>Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương):</u> Khối lượng vải (G/M2) 260.7 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM) 452x344 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 62.9x41.5 ±2 Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp)(DxN) 4x4 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-2.0)x(-2.8)±2 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 2-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 74.4±2 RAYON 22.4 ±2 SPANDEX 3.2 ±2</p>			
7	Trang phục kỹ thuật viên thiết bị y tế, kỹ sư thiết bị, nhân viên bảo trì, lái xe ô tô cấp cứu	<p>a) Màu sắc: Màu xanh đen; b) Kiểu dáng: Áo kiểu bu đồng, cổ đực, cài cúc giữa, kiểu dài tay, ngắn tay, gấu tay măng xéc hoặc lơ vè, có nẹp cầu vai, phía trước có 2 túi có nắp, có khuy cài bên tên</p>	<p>a) Màu sắc: Màu xanh đen; b) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 1 túi sau. c) Kích thước: 5 size. Size S, M, L, XL, XXL theo quy</p>	<p>- 01 bộ bao gồm: áo, quần - Áo chất liệu: Vải Kate Màu sắc: Màu xanh đen</p> <p><u>Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương):</u> Khối lượng vải (G/M2) 149.3 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM) 252x256 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 17.0x16.7 ±2 Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp)(DxN) 4x4</p>	Bộ	8	

		<p>trên ngực trái. In logo bệnh viện phía ngực trái.</p> <p>c) Kích thước: 5 size. Size S, M, L, XL, XXL theo quy chuẩn của nhà sản xuất.</p>	<p>chuẩn của nhà sản xuất.</p>		<p>Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-1.4)x(-1.6)±2</p> <p>Độ bền màu giặt ở 40°C (CÁP) 3-5</p> <p>Định tính và định lượng nguyên liệu (%)</p> <p>POLYESTER 66.5±0.5</p> <p>COTTON 33.5 ±0.5</p> <p>Quần chất liệu: Vải Kaki thun.</p> <p>Màu sắc: Màu xanh đen.</p> <p>Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương):</p> <p>Khối lượng vải (G/M2) 260.7 ± 2</p> <p>Mật độ vải (Sợi/10CM) 452x344 ±2</p> <p>Độ bền xé rách (N) (DxN) 62.9x41.5 ±2</p> <p>Độ vốn gút sau 6 giờ (Cáp)(DxN) 4x4</p> <p>Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-2.0)x(-2.8)±2</p> <p>Độ bền màu giặt ở 40°C (CÁP) 2-5</p> <p>Định tính và định lượng nguyên liệu (%)</p> <p>POLYESTER 74.4±2</p> <p>RAYON 22.4 ±2</p> <p>SPANDEX 3.2 ±2</p>		
8	<p>Trang phục của khu vực phẫu thuật, gây mê hồi sức, người làm việc tại trung tâm tiệt khuẩn</p>	<p>a) Màu sắc: Màu xanh cổ vịt.</p> <p>b) Kiểu dáng: Áo cổ trái tim, chui đầu, ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài bên tên trên ngực trái. In logo bệnh viện phía ngực trái.</p> <p>c) Kích thước: 5 size. Size S, M, L, XL,</p>	<p>a) Màu sắc: Màu xanh cổ vịt.</p> <p>b) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, 2 túi chếp, quần nam có 1 túi sau.</p> <p>c) Kích thước: 5 size. Size S, M, L, XL, XXL theo quy chuẩn của nhà sản xuất.</p>	<p>Theo màu sắc của áo</p>	<p>- 01 bộ bao gồm: áo, quần, mũ</p> <p>- Chất liệu: Vải Kate</p> <p>Màu sắc: Màu xanh cổ vịt</p> <p>Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương):</p> <p>Khối lượng vải (G/M2) 148.0 ± 2</p> <p>Mật độ vải (Sợi/10CM) 250x256 ±2</p> <p>Độ bền xé rách (N) (DxN) 24.1x25.6 ±2</p> <p>Độ vốn gút sau 6 giờ (Cáp)(DxN) 4x4</p> <p>Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-1.2)x(-1.4)±2</p>	Bộ	40

		XXL theo quy chuẩn của nhà sản xuất.			Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 65.8±2 COTTON 34.2 ±2			
9	Trang phục dành riêng khi làm việc trong phòng mổ	a) Màu sắc: Màu xanh cổ vịt. b) Kiểu dáng: Áo dành riêng cho phẫu thuật, dài tay, chiều dài quá gối 5-10cm, bo chun tay 6cm, buộc dây phía sau. c) Kích thước: Freesize	a) Màu sắc: Màu xanh cổ vịt. b) Kiểu dáng: Quần kéo dây rút, không có túi c) Kích thước: Freesize	Theo màu sắc của áo	- 01 bộ bao gồm: áo, quần, mũ - Chất liệu: Vải Kate Màu sắc: Màu xanh cổ vịt <u>Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương):</u> Khối lượng vải (G/M ²) 148.0 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM) 250x256 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 24.1x25.6 ±2 Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp)(DxN) 4x4 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-1.2)x(-1.4)±2 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 65.8±2 COTTON 34.2 ±2	Bộ	4	

10	Trang phục của nhân viên dinh dưỡng	<p>a) Màu sắc: Màu trắng</p> <p>b) Kiểu dáng: Áo cổ chữ U, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài bên tên trên ngực trái. In logo bệnh viện phía ngực trái.</p> <p>c) Kích thước: 4 size. Size M, L, XL, XXL theo quy chuẩn của nhà sản xuất.</p>	<p>a) Màu sắc: Màu trắng</p> <p>b) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.</p> <p>c) Kích thước: 4 size. Size M, L, XL, XXL theo quy chuẩn của nhà sản xuất.</p>	Theo màu sắc của áo	<p>- 01 bộ bao gồm: áo, quần, mũ</p> <p>- Chất liệu: Vải Kate</p> <p>- Màu trắng.</p> <p><u>Thông số kỹ thuật của vải (hoặc tương đương):</u></p> <p>Khối lượng vải (G/M2) 105.6 ± 2</p> <p>Mật độ vải (Sợi/10CM) 456x316 ±2</p> <p>Độ bền xé rách (N) (DxN) 12.4x10.2 ±2</p> <p>Độ vốn gút sau 6 giờ (Cấp)(DxN) 4x4</p> <p>Ngoại quan sau 1 chu kỳ giặt (%) 4-5</p> <p>Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5</p> <p>Định tính và định lượng nguyên liệu (%)</p> <p>POLYESTER 65.6±0.5</p> <p>COTTON 34.4 ±0.5</p>	Bộ	2	
----	-------------------------------------	---	--	---------------------	--	----	---	--

STT	Loại đồ vải	Quy cách	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
B	ĐỒ VẢI CUNG CẤP CHO CÁC KHOA PHÒNG					
01	Drap trải giường y tế	<p>a) Màu sắc: Màu trắng;</p> <p>b) Kiểu dáng:</p> <p>- Drap bọc giường sử dụng cho nệm y tế kích thước 190cm x 90cm x 10cm (D x R x C). Drap may biên xung quanh 01 lớp, cắt góc, gập góc may 4 góc. Có in chữ "Bệnh viện đa khoa Nam Liên Chiểu" màu đỏ ở góc drap.</p>	<p>Chất liệu: vải kate</p> <p><u>Thông số kỹ thuật của vải (hoặc tương đương):</u></p> <p>Khối lượng vải (G/M2) 129.2 ± 2</p> <p>Mật độ vải (Sợi/10CM) 460x368 ±2</p> <p>Độ bền xé rách (N) (DxN) 28.0x18.0 ±2</p> <p>Độ vốn gút sau 6 giờ (Cấp)(DxN) 4x4</p> <p>Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-0.1)x(-0.1)±2</p> <p>Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5</p> <p>Định tính và định lượng nguyên liệu (%)</p> <p>100% POLYESTER</p>	Cái	121	

02	Drap trải giường cấp cứu a) Màu sắc: màu trắng b) Kiểu dáng: - Drap bọc giường sử dụng cho nệm cấp cứu kích thước: 190cm x 80cm x 10cm (D x R x C). Drap may 01 lớp có chân viền xung quanh, cắt góc, gấp góc may 4 góc, bo chun. Có in chữ "Bệnh viện đa khoa Nam Liên Chiểu" màu đỏ ở góc drap	Chất liệu: vải kate <u>Thông số kỹ thuật của vải (hoặc tương đương):</u> Khối lượng vải (G/M2) 129.2 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM) 460x368 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 28.0x18.0 ±2 Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp)(DxN) 4x4 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-0.1)x(-0.1)±2 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% POL YESTER	Cải	5	
03	Chăn đắp a) Màu sắc: Màu xanh dương, b) Kiểu dáng: Chăn đắp may 01 lớp có chân viền xung quanh. Có in chữ "Bệnh viện đa khoa Nam Liên Chiểu" màu đỏ ở góc ga. + Kích thước chăn: 1m5x2m6.	Chất liệu: vải kate ford. <u>Thông số kỹ thuật của vải (hoặc tương đương):</u> Khối lượng vải (G/M2) 161.3 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM) 288x270 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 28.5x25.4 ±2 Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp)(DxN) (4-5)x(4-5) Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-2.9)x(-2.1)±2 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POL YESTER 65.0±2 COTTON 35.0 ±2	Cải	5	
04	Vỏ gối a) Màu sắc: màu xanh dương b) Kiểu dáng: - Vỏ gối may 01 lớp có chân viền xung quanh, bọc trùm kín gối. Có in chữ "Bệnh viện đa khoa Nam Liên Chiểu" màu đỏ ở	- Chất liệu: vải kate ford. <u>Thông số kỹ thuật của vải (hoặc tương đương):</u> Khối lượng vải (G/M2) 161.3 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM) 288x270 ±2	Cải	114	

		<p>thân gói. + Kích thước: 50x70cm.</p>	<p>Độ bền xé rách (N) (DxN) 28.5x25.4 ±2 Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp)(DxN) (4-5)x(4-5) Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-2.9)x(-2.1)±2 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 65.0±2 COTTON 35.0 ±2</p>			
05	Săng trung	<p>a) Màu sắc: Màu trắng b) Kiểu dáng: - Khăn mô may biên xung quanh 02 lớp. - Kích thước: 1mx1m</p>	<p>- Chất liệu: vải kate ford. Thông số kỹ thuật của vải (hoặc tương đương): Khối lượng vải (G/M2) 161.7 ± 2 Mật độ vải (Số/10CM) 286x263 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 43.4x40.6 ±2 Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp)(DxN) 4x4 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-1.6)x(-1.0)±2 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 63.4±2 COTTON 36.6 ±2</p>	Cái	30	
06	Săng phòng sinh	<p>a) Màu sắc: Màu trắng b) Kiểu dáng: - Khăn mô phòng sinh may biên xung quanh 02 lớp. - Kích thước: 0.7m x 0.75m</p>	<p>- Chất liệu: vải kate ford. Thông số kỹ thuật của vải (hoặc tương đương): Khối lượng vải (G/M2) 161.7 ± 2 Mật độ vải (Số/10CM) 286x263 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 43.4x40.6 ±2 Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp)(DxN) 4x4</p>	Cái	10	

						Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (D _{xN}) (-1.6)x(-1.0)±2 Độ bền màu giặt ở 40°C (C _{AP}) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 63.4±2 COTTON 36.6 ±2

Lưu ý: Thông số kỹ thuật chỉ mang tính chất tham khảo để mô tả cho các đặc tính khó miêu tả của vải. Các đơn vị chừa giá có thể chừa giá các loại vải có chất liệu và thông số kỹ thuật tương đương.

Tên công ty.....
 Địa chỉ/ văn phòng đại diện/ trụ sở chính.....
 SĐT..... Email:.....
 Mã số thuế.....

BẢNG BÁO GIÁ

Ngày:.....

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa Nam Liên Chiểu

Theo nhu cầu của quý khách hàng và sau khi nghiên cứu thư mời chào giá, công ty chúng tôi xin trân trọng gửi đến quý bệnh viện báo giá cung cấp trang phục nhân viên y tế và đồ vải với nội dung cụ thể như sau:

STT	Loại trang phục	Quy cách			Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		Áo	Quần	Mũ					
A	TRANG PHỤC Y TẾ								
1	Trang phục bác sĩ	a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: Áo blouse cổ bé Danton, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang gối, kiểu dài tay, ngấn tay, phía trước có 3 túi, có khuy cài bên tên trên ngực trái, phía sau xé giữa tới ngang hông. In logo bệnh viện phía ngực trái. c) Kích thước: 5 size. Size S, M, L, XL, XXL theo quy chuẩn của nhà sản xuất.	a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. c) Kích thước: 5 size. Size S, M, L, XL, XXL theo quy chuẩn của nhà sản xuất.	Màu sắc: Theo màu sắc của áo.	- 01 bộ bao gồm: áo, quần, mũ - Chất liệu: Vải Kate - Màu trắng. Thông số kỹ thuật của vải (hoặc tương đương): Khối lượng vải (G/M2) 105.6 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM) 456x316 ± 2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 12.4x10.2 ± 2 Độ vốn gút sau 6 giờ (Cáp)(DxN) 4x4 Ngoại quan sau 1 chu kỳ giặt (CÁP) 4-5 Độ bền màu giặt ở 40°C (CÁP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 65.6±2 COTTON 34.4 ± 2	Bộ	56		

2	Trang phục điều dưỡng viên, hộ sinh viên, y sỹ	<p>a) Màu sắc: Màu trắng;</p> <p>b) Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, kiểu dài tay, ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi, có khuy cài bên trên ngực trái; In logo bệnh viện phía ngực trái.</p> <p>- Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5 cm.</p> <p>c) Kích thước: 5 size. Size S, M, L, XL, XXL theo quy chuẩn của nhà sản xuất.</p>	<p>a) Màu sắc: Màu trắng;</p> <p>Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.</p> <p>c) Kích thước: 5 size. Size S, M, L, XL, XXL theo quy chuẩn của nhà sản xuất.</p>	<p>Màu sắc: Theo màu sắc của áo</p>	<p>- 01 bộ bao gồm: áo, quần, mũ</p> <p>- Chất liệu: Vải Kate - Màu trắng.</p> <p>Thông số kỹ thuật của vải (hoặc tương đương):</p> <p>Khối lượng vải (G/M²) 105.6 ± 2</p> <p>Mật độ vải (Sợi/10CM) 456x316 ±2</p> <p>Độ bền xé rách (N) (DxN) 12.4x10.2 ±2</p> <p>Độ vón gút sau 6 giờ (CẤP)(DxN) 4x4</p> <p>Ngoại quan sau 1 chu kỳ giặt (CẤP) 4-5</p> <p>Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5</p> <p>Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 65.6±2 COTTON 34.4 ±2</p>	Bộ	102	
3	Trang phục kỹ thuật viên, cử nhân, kỹ sư và các chức danh khác làm việc chuyên môn tại các khoa, phòng lâm sàng và cận lâm sàng	<p>a) Màu sắc: Màu trắng;</p> <p>b) Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, kiểu dài tay, ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài bên trên ngực trái. In logo bệnh viện phía ngực trái.</p> <p>c) Kích thước: 5 size. Size S, M, L, XL, XXL theo quy chuẩn của nhà sản xuất.</p>	<p>a) Màu sắc: Màu trắng;</p> <p>b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.</p> <p>c) Kích thước: 5 size. Size S, M, L, XL, XXL theo quy chuẩn của nhà sản xuất.</p>	<p>Màu sắc: Theo màu sắc của áo.</p>	<p>- 01 bộ bao gồm: áo, quần, mũ</p> <p>- Chất liệu: Vải Kate - Màu trắng.</p> <p>Thông số kỹ thuật của vải (hoặc tương đương):</p> <p>Khối lượng vải (G/M²) 105.6 ± 2</p> <p>Mật độ vải (Sợi/10CM) 456x316 ±2</p> <p>Độ bền xé rách (N) (DxN) 12.4x10.2 ±2</p> <p>Độ vón gút sau 6 giờ (CẤP)(DxN) 4x4</p> <p>Ngoại quan sau 1 chu kỳ giặt (CẤP) 4-5</p> <p>Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5</p> <p>Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 65.6±2 COTTON 34.4 ±2</p>	Bộ	30	

4	Trang phục được sử	<p>a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: Áo blouse, cổ 2 ve, cài cúc giữa, kiểu dài tay, ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài bên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông. In logo bệnh viện phía ngực trái. c) Kích thước: 5 size. Size S, M, L, XL, XXL theo quy chuẩn của nhà sản xuất.</p>	<p>a) Màu sắc: Màu trắng b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. c) Kích thước: 5 size. Size S, M, L, XL, XXL theo quy chuẩn của nhà sản xuất.</p>	<p>Màu sắc: Theo màu sắc của áo.</p>	<p>Màu sắc: Theo màu sắc của áo.</p>	<p>16</p>	
5	Trang phục hộ lý, nhân viên giặt là	<p>a) Màu sắc: Màu xanh hòa bình; b) Kiểu dáng: Áo cổ trái tim, cài cúc giữa, kiểu dài tay, ngắn tay, chiều dài áo ngang hông; phía trước có 2 túi, có khuy cài bên trên ngực trái. In logo bệnh viện phía ngực trái. c) Kích thước: 5 size. Size S, M, L, XL, XXL theo quy chuẩn của nhà sản xuất.</p>	<p>a) Màu sắc: Màu xanh hòa bình; b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. c) Kích thước: 5 size. Size S, M, L, XL, XXL theo quy chuẩn của nhà sản xuất.</p>	<p>Màu sắc: Theo màu sắc của áo.</p>	<p>Màu sắc: Theo màu sắc của áo.</p>	<p>18</p>	

- 01 bộ bao gồm: áo, quần, mũ
- Chất liệu: Vải Kate - Màu trắng.
Thông số kỹ thuật của vải (hoặc tương đương):
Khối lượng vải (G/M2) 105.6 ± 2
Mật độ vải (Sợi/10CM) 456x316 ±2
Độ bền xé rách (N) (DxN) 12.4x10.2 ±2
Độ vón gút sau 6 giờ (CẤP)(DxN) 4x4
Ngoại quan sau 1 chu kỳ giặt (CẤP) 4-5
Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5
Định tính và định lượng nguyên liệu (%)
POLYESTER 65.6±2
COTTON 34.4 ±2

- 01 bộ bao gồm: áo, quần, mũ
- Chất liệu: Vải Kate - Màu xanh hòa bình.
Thông số kỹ thuật của vải (hoặc tương đương):
Khối lượng vải (G/M2) 107.7 ± 2
Mật độ vải (Sợi/10CM) 464x316 ±2
Độ bền xé rách (N) (DxN) 18.5x14.2 ±2
Độ vón gút sau 6 giờ (CẤP)(DxN) 4x4
Ngoại quan sau 1 chu kỳ giặt (CẤP) 4-5
Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5
Định tính và định lượng nguyên liệu (%)
POLYESTER 65.6±2
COTTON 34.4 ±2

6	Trang phục nhân viên tiếp đón, hành chính, thu ngân	<p>a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: Áo sơ mi cổ đực, cài cúc giữa, kiểu dài tay, ngắn tay. In logo bệnh viện phía ngực trái. c) Kích thước: 3 size. Size M, L, XL theo quy chuẩn của nhà sản xuất.</p>	<p>Quần đối với nam, chân váy đối với nữ. a) Màu sắc: Màu xanh đen. b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo trước, 1 túi sau. Chân váy kiểu jupe, tối thiểu dài ngang gối. c) Kích thước: 3 size. Size M, L, XL theo quy chuẩn của nhà sản xuất.</p>	<p>- 01 bộ bao gồm: Nam (quần tây, áo sơ mi); Nữ (chân váy, áo sơ mi) + Chất liệu áo: Vải Kate – Màu trắng <u>Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương):</u> Khối lượng vải (G/M²) 105.6 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM) 456x316 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 12.4x10.2 ±2 Độ vón gút sau 6 giờ (CẤP)(DxN) 4x4 Ngoại quan sau 1 chu kỳ giặt (CẤP) 4-5 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 65.6±2 COTTON 34.4 ±2 + Chất liệu quần, chân váy: Vải kaki thun màu xanh đen <u>Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương):</u> Khối lượng vải (G/M²) 260.7 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM) 452x344 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 62.9x41.5 ±2 Độ vón gút sau 6 giờ (CẤP)(DxN) 4x4 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-2.0)x(-2.8)±2 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 2-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 74.4±2 RAYON 22.4 ±2 SPANDEX 3.2 ±2</p>	Bộ	26
---	---	--	---	--	----	----

7	Trang phục kỹ thuật viên thiết bị y tế, kỹ sư thiết bị, nhân viên bảo trì, lái xe ô tô cấp cứu	<p>a) Màu sắc: Màu xanh đen;</p> <p>b) Kiểu dáng: Áo kiểu bu dông, cổ đực, cài cúc giữa, kiểu dài tay, ngắn tay, gấu tay măng xéc hoặc lơ vè, có nẹp cầu vai, phía trước có 2 túi có nắp, có khuy cài bên trên ngực trái. In logo bệnh viện phía ngực trái.</p> <p>c) Kích thước: 5 size. Size S, M, L, XL, XXL theo quy chuẩn của nhà sản xuất.</p>	<p>a) Màu sắc: Màu xanh đen;</p> <p>b) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 1 túi sau.</p> <p>c) Kích thước: 5 size. Size S, M, L, XL, XXL theo quy chuẩn của nhà sản xuất.</p>	<p>- 01 bộ bao gồm: áo, quần</p> <p>- Áo chất liệu: Vải Kate</p> <p>Màu sắc: Màu xanh đen</p> <p>Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương):</p> <p>Khối lượng vải (G/M2) 149.3 ± 2</p> <p>Mật độ vải (Sợi/10CM) 252x256 ±2</p> <p>Độ bền xé rách (N) (DxN) 17.0x16.7 ±2</p> <p>Độ vốn gút sau 6 giờ (CẤP)(DxN) 4x4</p> <p>Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-1.4)x(-1.6)±2</p> <p>Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 3-5</p> <p>Định tính và định lượng nguyên liệu (%)</p> <p>POLYESTER 66.5±0.5</p> <p>COTTON 33.5 ±0.5</p> <p>– Quần chất liệu: Vải Kaki thun.</p> <p>Màu sắc: Màu xanh đen.</p> <p>Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương):</p> <p>Khối lượng vải (G/M2) 260.7 ± 2</p> <p>Mật độ vải (Sợi/10CM) 452x344 ±2</p> <p>Độ bền xé rách (N) (DxN) 62.9x41.5 ±2</p> <p>Độ vốn gút sau 6 giờ (CẤP)(DxN) 4x4</p> <p>Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-2.0)x(-2.8)±2</p> <p>Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 2-5</p> <p>Định tính và định lượng nguyên liệu (%)</p> <p>POLYESTER 74.4±2</p> <p>RAYON 22.4 ±2</p> <p>SPANDEX 3.2 ±2</p>	Bộ	8	
8	Trang phục của khu vực phẫu thuật, gây mê hồi sức, người làm việc tại	<p>a) Màu sắc: Màu xanh cổ vịt.</p> <p>b) Kiểu dáng: Áo cổ trái tim, chui đầu, ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài bên trên</p>	<p>Theo màu sắc của áo</p> <p>a) Màu sắc: Màu xanh cổ vịt.</p> <p>b) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, 2 túi chếp, quần nam có 1 túi sau.</p>	<p>- 01 bộ bao gồm: áo, quần, mũ</p> <p>- Chất liệu: Vải Kate</p> <p>Màu sắc: Màu xanh cổ vịt</p> <p>Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương):</p> <p>Khối lượng vải (G/M2) 148.0 ± 2</p> <p>Mật độ vải (Sợi/10CM) 250x256 ±2</p> <p>Độ bền xé rách (N) (DxN) 24.1x25.6 ±2</p> <p>Độ vốn gút sau 6 giờ (CẤP)(DxN) 4x4</p>	Bộ	40	

	trung tâm tiết kiệm	ngược trái. In logo bệnh viện phía ngực trái. c) Kích thước: 5 size. Size S, M, L, XL, XXL theo quy chuẩn của nhà sản xuất.	c) Kích thước: 5 size. Size S, M, L, XL, XXL theo quy chuẩn của nhà sản xuất.		Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-1.2)x(-1.4)±2 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 65.8±2 COTTON 34.2 ±2				
9	Trang phục dành riêng khi làm việc trong phòng mổ	a) Màu sắc: Màu xanh cổ vịt. b) Kiểu dáng: Áo dành riêng cho phẫu thuật, dài tay, chiều dài quá gối 5-10cm, bo chun tay 6cm, buộc dây phía sau. c) Kích thước: Freesize	a) Màu sắc: Màu xanh cổ vịt. b) Kiểu dáng: Quần kéo dây rút, không có túi c) Kích thước: Freesize	Theo màu sắc của áo	- 01 bộ bao gồm: áo, quần, mũ - Chất liệu: Vải Kate Màu sắc: Màu xanh cổ vịt <u>Thông số kỹ thuật (hoặc tương đương):</u> Khối lượng vải (G/M2) 148.0 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM) 250x256 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 24.1x25.6 ±2 Độ vón gút sau 6 giờ (CẤP)(DxN) 4x4 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-1.2)x(-1.4)±2 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 65.8±2 COTTON 34.2 ±2	Bộ	4		
10	Trang phục của nhân viên dinh dưỡng	a) Màu sắc: Màu trắng b) Kiểu dáng: Áo cổ chữ U, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, cổ khuy cài biên tên trên ngực trái. In logo bệnh viện phía ngực trái. c) Kích thước: 4 size. Size M, L, XL, XXL theo quy chuẩn của nhà sản xuất.	a) Màu sắc: Màu trắng b) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. c) Kích thước: 4 size. Size M, L, XL, XXL theo quy chuẩn của nhà sản xuất.	Theo màu sắc của áo	- 01 bộ bao gồm: áo, quần, mũ - Chất liệu: Vải Kate - Màu trắng. <u>Thông số kỹ thuật của vải (hoặc tương đương):</u> Khối lượng vải (G/M2) 105.6 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM) 456x316 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 12.4x10.2 ±2 Độ vón gút sau 6 giờ (CẤP)(DxN) 4x4 Ngoại quan sau 1 chu kỳ giặt (%) 4-5 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 65.6±0.5 COTTON 34.4 ±0.5	Bộ	2		

STT	Loại trang phục	Quy cách	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
ĐỒ VẢI CUNG CẤP CHO CÁC KHOA PHÒNG							
01	Drap trải giường y tế	<p>a) Màu sắc: Màu trắng; b) Kiểu dáng: - Drap bọc giường sử dụng cho nệm y tế kích thước 190cm x 90cm x 10cm (D x R x C). Drap may biên xung quanh 01 lớp, cắt góc, gấp góc may 4 góc. Có in chữ "Bệnh viện đa khoa Nam Liên Chiểu" màu đỏ ở góc drap.</p>	<p>Chất liệu: vải kate <u>Thông số kỹ thuật của vải (hoặc tương đương):</u> Khối lượng vải (G/M2) 129.2 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM) 460x368 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 28.0x18.0 ±2 Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp)(DxN) 4x4 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-0.1)x(-0.1)±2 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% POLYESTER</p>	Cái	121		
02	Drap trải giường cấp cứu	<p>a) Màu sắc: màu trắng b) Kiểu dáng: - Drap bọc giường sử dụng cho nệm cấp cứu kích thước 190cm x 80cm x 10cm (D x R x C). Drap may 01 lớp có chân viền xung quanh, cắt góc, gấp góc may 4 góc, bo chun. Có in chữ "Bệnh viện đa khoa Nam Liên Chiểu" màu đỏ ở góc drap</p>	<p>Chất liệu: vải kate <u>Thông số kỹ thuật của vải (hoặc tương đương):</u> Khối lượng vải (G/M2) 129.2 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM) 460x368 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 28.0x18.0 ±2 Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp)(DxN) 4x4 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-0.1)x(-0.1)±2 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% POLYESTER</p>	Cái	5		

03	Chấn đập	<p>a) Màu sắc: Màu xanh dương, b) Kiểu dáng: Chấn đập may 01 lớp có chần viên xung quanh. Có in chữ "Bệnh viện đa khoa Nam Liên Chiểu" màu đỏ ở góc ga. + Kích thước chần: 1m5x2m6.</p>	<p>Chất liệu: vải kate ford. Thông số kỹ thuật của vải (hoặc tương đương): Khối lượng vải (G/M²) 161.3 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM) 288x270 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 28.5x25.4 ±2 Độ vốn gút sau 6 giờ (Cấp)(DxN) (4-5)x(4-5) Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-2.9)x(-2.1)±2 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 65.0±2 COTTON 35.0 ±2</p>	Cải	5		
04	Vỏ gói	<p>a) Màu sắc: màu xanh dương b) Kiểu dáng: - Vỏ gói may 01 lớp có chần viên xung quanh, học trùm kín gói. Có in chữ "Bệnh viện đa khoa Nam Liên Chiểu" màu đỏ ở thân gói. + Kích thước: 50x70cm.</p>	<p>- Chất liệu: vải kate ford. Thông số kỹ thuật của vải (hoặc tương đương): Khối lượng vải (G/M²) 161.3 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM) 288x270 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 28.5x25.4 ±2 Độ vốn gút sau 6 giờ (Cấp)(DxN) (4-5)x(4-5) Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-2.9)x(-2.1)±2 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 65.0±2 COTTON 35.0 ±2</p>	Cải	114		

05	Săng trung	<p>a) Màu sắc: Màu trắng b) Kiểu dáng: - Khấn mỗ may biên xung quanh 02 lớp. - Kích thước: 1m x 1m</p>	<p>- Chất liệu: vải kate ford. Thông số kỹ thuật của vải (hoặc tương đương): Khối lượng vải (G/M2) 161.7 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM) 286x263 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 43.4x40.6 ±2 Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp)(DxN) 4x4 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-1.6)x(-1.0)±2 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 63.4±2 COTTON 36.6 ±2</p>	Cái	30	
06	Săng phòng sinh	<p>a) Màu sắc: Màu trắng b) Kiểu dáng: - Khấn mỗ phòng sinh may biên xung quanh 02 lớp. - Kích thước: 0.7m x 0.75m</p>	<p>- Chất liệu: vải kate ford. Thông số kỹ thuật của vải (hoặc tương đương): Khối lượng vải (G/M2) 161.7 ± 2 Mật độ vải (Sợi/10CM) 286x263 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 43.4x40.6 ±2 Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp)(DxN) 4x4 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-1.6)x(-1.0)±2 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 63.4±2 COTTON 36.6 ±2</p>	Cái	10	

Hiệu lực của báo giá: (Yêu cầu hiệu lực tối thiểu trong vòng 60 ngày kể từ ngày ký).
Giá chào đã bao gồm đầy đủ các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có) theo quy định.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN TRƯỚC PHÁP LUẬT
(Ký tên ghi rõ họ tên và đóng dấu)

